



Original Article

The Role of FDI in Economic Growth: Case Study in the Southeast Region

Nguyen Hong Thu*, Le Ma Long

*Thu Dau Mot University, No. 6, Tran Van On Street, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City,
Binh Duong Province, Vietnam*

Received: April 20, 2023

Revised: June 2, 2023; Accepted: October 25, 2023

Abstract: This research work aims to investigate the role of FDI in economic growth through its impact on real GDP in Southeast Vietnam over the period of 2001-2020 through descriptive statistical, correlation matrix analysis, and the Feasible Generalized Least Squares (FGLS) estimation method using Stata 15.1. The results of the empirical findings show that FDI has a positive but insignificant impact on economic growth. In addition, the other new findings also revealed the impact of macro-factors on economic growth during the research period. From these findings, the authors propose solutions for promoting the significantly positive impact of FDI on sustainable economic growth in Southeast Vietnam in the upcoming time.

Keywords: FDI, economic growth, FGLS, macro-factors, Southeast.

* Corresponding author

E-mail address: thunh@tdmu.edu.vn

<https://doi.org/10.57110/jebvn.v3i1.198>

Copyright © 2023 The author(s)

Licensing: This article is published under a CC BY-NC 4.0 license.

Vai trò FDI với tăng trưởng kinh tế: Nghiên cứu điển hình tại khu vực Đông Nam Bộ

Nguyễn Hồng Thu*, Lê Mã Long

Trường Đại học Thủ Dầu Một, số 6 Trần Văn Ôn, Phú Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương, Việt Nam

Nhận ngày 20 tháng 4 năm 2023

Chỉnh sửa ngày 2 tháng 6 năm 2023; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 10 năm 2023

Tóm tắt: Nghiên cứu nhằm xem xét vai trò của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) với tăng trưởng kinh tế thông qua đánh giá tác động của FDI đến GDP thực tại khu vực Đông Nam Bộ giai đoạn 2001-2020. Nghiên cứu tiếp cận dữ liệu bảng được thu thập từ 6 tỉnh thành trong khu vực thông qua thống kê mô tả, phân tích ma trận tương quan và phương pháp ước lượng FGLS được hỗ trợ bởi Stata 15.1. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm cho thấy FDI có tác động tích cực nhưng không đáng kể đến tăng trưởng kinh tế, đồng thời chỉ ra tác động của các nhân tố vĩ mô đến tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn nghiên cứu. Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất các giải pháp nhằm khuyến khích tác động tích cực đáng kể của FDI đến tăng trưởng kinh tế khu vực Đông Nam Bộ trong thời gian tới.

Từ khóa: FDI, tăng trưởng kinh tế, FGLS, nhân tố vĩ mô, Đông Nam Bộ.

1. Giới thiệu

Khu vực Đông Nam Bộ đóng một vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế của cả nước. Đây là khu vực có điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch và dẫn đầu cả nước về công nghiệp hóa và hiện đại hóa, đặc biệt là phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp điện tử, dịch vụ viễn thông, đồng thời thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) lớn và tiềm năng... Theo Cục Đầu tư Nước ngoài (2021), FDI đã có mặt ở tất cả 63 tỉnh thành trong cả nước, trong đó Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương dẫn đầu về thu hút FDI với gần 49,5 tỷ đô la Mỹ (chiếm 12,1% tổng vốn đầu tư); tiếp theo là tỉnh Bình Dương với gần 37,2 tỷ đô la Mỹ (chiếm 9,1% tổng vốn đầu tư). Điều đó cho thấy kinh tế khu vực Đông Nam Bộ có sự phát triển vượt bậc nhất so với các vùng khác trong cả nước về xuất khẩu, thu hút FDI, GDP và các yếu tố kinh tế khác.

Thu hút FDI là mục tiêu quan trọng trong các chính sách tăng trưởng kinh tế của khu vực Đông Nam Bộ, tuy nhiên cần xác định rõ FDI hiện nay tác động đến tăng trưởng kinh tế vùng ở mức độ nào và đạt được mục tiêu đề ra hay không, từ đó đưa ra những chính sách phù hợp nhằm thu hút nguồn vốn FDI tiềm năng nhằm giúp khu vực sản xuất và xuất khẩu nhiều hơn, tạo nhiều việc làm và gia tăng thu nhập cho người lao động, đảm bảo cho sự phát triển kinh tế bền vững. Ngoài ra, cần làm rõ tác động từ FDI đến suy thoái môi trường và thách thức về cơ hội việc làm, ảnh hưởng đến sự tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn. Do vậy, cần có nghiên cứu thực nghiệm điều tra xem xét tác động của các nhân tố vĩ mô khác như cơ hội việc làm, lạm phát, tổng chi tiêu công, tổng doanh thu ngân sách nhà nước, độ mở thương mại, tỷ lệ vốn đầu tư ở khu vực FDI, tỷ lệ đô thị hóa với tăng trưởng kinh tế tại khu vực này.

* Tác giả liên hệ

Địa chỉ email: thunh@tdmu.edu.vn

<https://doi.org/10.57110/jebvn.v3i1.198>

Bản quyền © 2023 (Các) tác giả

Bài báo này được xuất bản theo CC BY-NC 4.0 license.

2. Cơ sở lý thuyết

FDI được coi là một trong những nhân tố quan trọng đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế. Nhiều công trình nghiên cứu thực nghiệm đã đưa ra các quan điểm gây tranh cãi khi xem xét vai trò của FDI với sự phát triển kinh tế. Đầu tiên, kết quả thực nghiệm của Xuan và Xing (2008) chỉ ra bằng chứng FDI là một trong những nhân tố chính thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu nhanh chóng ở Việt Nam. Tương tự, Dinh và cộng sự (2019) nghiên cứu tại các quốc gia đang phát triển thuộc nhóm thu nhập trung bình thấp giai đoạn 2000-2014 (trong đó có Việt Nam) cho thấy FDI giúp kích thích tăng trưởng kinh tế trong dài hạn, nhưng lại có tác động tiêu cực trong ngắn hạn. Nguyen (2020) nhận định FDI (dòng vốn vào ròng) có tác động tích cực đến viện trợ nước ngoài, xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam giai đoạn 1997-2018. Nguyen (2021) cũng cho rằng FDI có tác động tích cực đáng kể đến tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia Đông Nam Á. Theo Do và cộng sự (2022), FDI tác động tích cực trong dài hạn đến xuất khẩu và nhân tố này có tác động đến xuất khẩu lớn hơn so với nhân tố đầu tư trong nước.

Mặt khác, Acquah và Ibrahim (2020) chỉ ra ảnh hưởng của FDI với tăng trưởng kinh tế tại 45 quốc gia châu Phi là không rõ ràng, cho dù phần lớn FDI càng cao thì tăng trưởng càng cao. Đồng quan điểm, Joo và Shawl (2021) tìm thấy tác động tích cực đáng kể của FDI với tăng trưởng kinh tế, chỉ ra xuất khẩu, nguồn nhân lực và lạm phát có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia BRICS, trong khi đầu tư trong nước có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế.

Lập luận về vấn đề này, Louail và Zouita (2021) tìm thấy tác động của cả tăng trưởng kinh tế và phát triển tài chính đến dòng vốn FDI chảy vào các quốc gia được nghiên cứu trong giai đoạn 1985-2019 ở dài hạn, trong khi không tìm thấy bằng chứng ở ngắn hạn. Tác động tổng thể của FDI và việc làm đến tăng trưởng kinh tế là không rõ ràng. Tuy nhiên, Irshad và Qayed, (2022) chỉ ra FDI có tác động tích cực và có mối quan hệ hai chiều với tăng trưởng kinh tế khi nghiên cứu ở các quốc gia BRICS và châu Á giai đoạn 1993-2019.

Một quan điểm khác của Le và Suruga (2005) cho rằng mối quan hệ qua lại giữa chi tiêu

thường xuyên công và FDI trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế dường như khá phức tạp. Ở các quốc gia đang phát triển, ảnh hưởng của FDI đối với tăng trưởng kinh tế giảm đi khi tỷ lệ chi thường xuyên công trên GDP vượt mức 25%. Rahman và cộng sự (2019) đã đưa bằng chứng cho thấy các biến số chính như thương mại, chi tiêu chính phủ và FDI không có ảnh hưởng đáng kể đến tăng trưởng kinh tế ở Nam Á. Ngoài ra, Oni và Ozemhoka (2014) cho thấy tổng chi tiêu công có tác động tích cực đến GDP. Mohsin và cộng sự (2021) tìm thấy ảnh hưởng tích cực của độ mở thương mại đến tăng trưởng kinh tế.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Nguồn dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng phân tích dữ liệu bảng hàng năm. Theo nguyên tắc kinh nghiệm, kích thước mẫu tối thiểu phải gấp 5 lần số biến trong mô hình nghiên cứu (Tho, 2011). Mô hình nghiên cứu bao gồm 9 biến, kích thước mẫu tối thiểu là 45 quan sát. Dữ liệu bảng được thu thập ở 5 tỉnh gồm Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2001-2020. Tổng số biến quan sát là 120, đáp ứng yêu cầu về độ phù hợp. Tất cả các biến được tính dưới dạng hàm Logarit để đạt được mối quan hệ có ý nghĩa và quy trình kiểm định kinh tế lượng hợp lệ (Feridun và Sissoko, 2011).

Dựa vào lý thuyết và các nghiên cứu trước, nhóm tác giả xây dựng các giả thuyết sau:

H1: FDI tác động tích cực đáng kể đến phát triển kinh tế.

H2: Cơ hội việc làm tác động tích cực đáng kể đến phát triển kinh tế.

H3: Lạm phát tác động tích cực/ tiêu cực đáng kể đến phát triển kinh tế.

H4: Độ mở thương mại tác động tích cực đáng kể đến phát triển kinh tế.

H5: Tổng chi tiêu công tác động tích cực đáng kể đến phát triển kinh tế.

H6: Tỷ lệ vốn đầu tư vào khu vực FDI tác động tích cực đáng kể đến phát triển kinh tế.

H7: Tổng doanh thu ngân sách Nhà nước tác động tích cực đáng kể đến phát triển kinh tế.

H8: Tỷ lệ đô thị hóa tác động tích cực đáng kể đến phát triển kinh tế.

Bảng 1: Thống kê các biến trong mô hình nghiên cứu

Biến	Ký hiệu	Mô tả	Nguồn	Kỳ vọng
Biến phụ thuộc				
Tăng trưởng kinh tế	logGDP	GDP thực là đại diện cho tăng trưởng kinh tế (Tỷ đồng). Dữ liệu thu thập từ Tổng cục Thống kê.	Nguyen (2020)	
Biến độc lập				
FDI	logFDI	Dòng vốn FDI đã đăng ký (Tỷ đồng). Dữ liệu thu thập từ Sở Kế hoạch và Đầu tư.	Xuan và Xing (2008), Evans và cộng sự (2018)	+
Cơ hội việc làm	logEO	Lực lượng lao động là đại diện cho cơ hội việc làm bao gồm người đủ 15 tuổi trở lên cung cấp lực lượng lao động cho việc sản xuất hàng hóa và dịch vụ trong một thời kỳ xác định (Nghìn người). Dữ liệu thu thập từ Tổng cục Thống kê.	Joo và Shawl (2021)	+
Lạm phát	logINF	Lạm phát theo chỉ số giá tiêu dùng (% hàng năm). Dữ liệu thu thập từ Tổng cục Thống kê.	Tsaurai và Ndou (2019), Ale và Islam (2022)	+/-
Độ mở thương mại	logTOP	Độ mở thương mại = (Xuất khẩu + Nhập khẩu) / GDP (%). Dữ liệu thu thập từ Tổng cục Thống kê.	Nguyen (2021), Zhou và cộng sự (2021)	+
Tổng chi tiêu công	logTPE	(Tỷ đồng). Dữ liệu thu thập từ Tổng cục Thống kê.	Oni và Ozemhoka (2014), Ke và cộng sự (2020)	+
Tỷ lệ vốn đầu tư vào khu vực FDI	logICF	Tỷ lệ vốn đầu tư vào khu vực FDI trên GDP (%). Dữ liệu thu thập từ Tổng cục Thống kê.	Cành và cộng sự (2018)	+
Tổng doanh thu ngân sách nhà nước	logTBR	Tổng doanh thu ngân sách nhà nước (Tỷ đồng). Dữ liệu thu thập từ Tổng cục Thống kê.	Nguyen (2019)	+
Tỷ lệ đô thị hóa	logUR	Dữ liệu thu thập từ Tổng cục Thống kê.	Zhou và cộng sự (2021)	+

Nguồn: Tác giả tổng hợp.

3.2. Mô hình nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính đa biến với dữ liệu bảng hàng năm để đánh giá tác động của FDI với tăng trưởng kinh tế thông qua GDP thực và xem xét thêm tác động của các nhân tố vĩ mô khác bao gồm cơ hội việc làm, lạm phát, tổng chi tiêu công, tổng doanh thu ngân sách nhà nước, độ mở thương mại, tỷ lệ vốn đầu tư vào khu vực FDI, tỷ lệ đô thị hóa với tăng trưởng kinh tế ở 5 tỉnh gồm Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh thuộc khu vực Đông Nam Bộ giai đoạn 2001-2020. Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phân tích ma trận tương quan và mô hình hồi quy tuyến tính đa biến được ước lượng bằng phương pháp bình

phương cực tiểu (Pooled OLS), phương pháp tác động cố định (FEM), phương pháp tác động ngẫu nhiên (REM) nhưng kết quả các mô hình không tốt nhất vì vẫn bị hiện tượng phương sai sai số thay đổi và hiện tượng tương quan. Do đó, nghiên cứu đã sử dụng phương pháp ước lượng bình phương tổng quát khả thi (FGLS) để khắc phục các hiện tượng này trong mô hình hồi quy cho dữ liệu bảng (Beck và Katz, 1995) với phần mềm Stata 15.1. Cụ thể, phương trình hồi quy được thể hiện như sau:

$$\begin{aligned} \log\text{GDP}_{it} = & \beta_0 + \beta_1 \log\text{FDI}_{it} + \beta_2 \log\text{EO}_{it} \\ & + \beta_3 \log\text{INF}_{it} + \beta_4 \log\text{TOP}_{it} \\ & + \beta_5 \log\text{TPE}_{it} + \beta_6 \log\text{ICF}_{it} \\ & + \beta_7 \log\text{TBR}_{it} + \beta_8 \log\text{UR}_{it} \\ & + \varepsilon_{it} \end{aligned}$$

Trong đó: β_0 là hệ số chặn của đường hồi quy tổng thể; $\beta_1, \beta_2, \beta_3, \beta_4, \beta_5, \beta_6, \beta_7, \beta_8$ lần lượt là hệ số hồi quy riêng của các biến độc lập; ε_{it} là nhiễu.

4. Kết quả và thảo luận

Bảng 3 mô tả kết quả thống kê mô tả và ma trận tương quan của các biến trong mô hình nghiên cứu với dữ liệu thu thập tại khu vực Đông Nam Bộ giai đoạn 2001-2020.

Bảng 3 cho thấy giá trị của tất cả các biến tương đối đồng đều, thể hiện các kết quả kiểm định đáng tin cậy và ý nghĩa hơn. Ngoài ra, kết quả phân tích ma trận tương quan cũng chỉ ra biến GDP có mối tương quan tích cực đáng kể với các biến FDI, EO, TPE, TBR và UR nhưng không đáng kể với các biến TOP và ICF. Đặc biệt, không tìm thấy mối tương quan giữa biến GDP và biến INF với giá trị p-value = 10,72% > 5% mức ý nghĩa, cho dù biến INF có tác động tiêu cực đến biến GDP.

Bảng 3: Kết quả thống kê mô tả và ma trận tương quan của các biến

Biến	logGDP	logFDI	logEO	logINF	logTPE	logTOP	logICF	logTBR	logUR
Số quan sát	120	120	120	120	120	120	120	120	120
Mean	11,72402	9,482282	6,388177	4,655614	9,389808	0,02926383	3,250093	10,1128	3,236455
Std. Dev	1,191421	1,205159	0,7147031	0,0443308	0,9734686	0,6850409	03841688	1,471511	0,8423114
Min	9,616164	7,212442	5,493107	4,574402	6,94661	-1,386294	2,505306	6,830237	1,376244
Max	14,13157	12,17029	7,825922	4,793308	11,44275	1,394042	4,192081	12,92435	4,570268
logGDP	1,0000								
logFDI	0,7214 (0,0000)	1,0000							
logEO	0,7593 (0,0000)	0,7148 (0,0000)	1,0000						
logINF	-0,1478 (0,1072)	-0,1355 (0,1400)	-0,0924 (0,3155)	1,0000					
logTPE	0,8898 (0,0000)	0,7870 (0,0000)	0,7882 (0,0000)	-0,0936 (0,3092)	1,0000				
logTOP	0,3433 (0,0000)	0,6162 (0,0000)	0,5029 (0,0000)	-0,0885 (0,0000)	0,4727 (0,0000)	1,0000			
logICF	0,3763 (0,0000)	0,1596 (0,0817)	0,4812 (0,0000)	0,0549 (0,5512)	0,4219 (0,0000)	-0,1603 (0,0803)	1,0000		
logTBR	0,9548 (0,0000)	0,6412 (0,0000)	0,6720 (0,0000)	-0,1068 (0,2457)	0,8615 (0,0000)	0,3139 (0,0005)	0,3952 (010000)	1,0000	
logUR	0,8228 (010000)	0,6043 (010000)	0,4677 (010000)	-0,0532 (0,5636)	0,7673 (0,0000)	0,2573 (0,0046)	0,0904 (0,3263)	0,8038 (0,0000)	1,0000

Ghi chú: Giá trị trong ngoặc đơn “0” là p-value.

Nguồn: Trích xuất từ Stata 15.1.

Tiếp đó, nhóm tác giả sử dụng phương pháp Pooled OLS, FEM, REM và FGLS để ước lượng mô hình hồi quy. Tuy nhiên, mô hình tốt nhất được lựa chọn bằng phương pháp ước lượng FGLS vì đã khắc phục được hiện tượng phương sai sai số thay đổi và hiện tượng tự tương quan trong mô hình hồi quy với dữ liệu bảng. Một số kiểm định đã được thực hiện trong quy trình ước lượng như kiểm định hiện tượng đa cộng tuyến bởi VIF (Green, 1991), hiện tượng phương sai sai số thay đổi (White, 1980), hiện tượng tự tương quan (Wooldridge, 2002) và kiểm định Hausman. Các kết quả thu được đều đáp ứng yêu cầu của mô hình hồi quy với dữ liệu bảng.

Kết quả Bảng 4 cho thấy tác động của biến FDI đến biến GDP là tích cực và ở mức ý nghĩa

5%. Nói cách khác, khi các yếu tố khác không đổi, FDI tăng 1% thì sẽ tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế tăng 0,0714 %. Điều này cho thấy, tác động tích cực của FDI đến tăng trưởng kinh tế là không đáng kể so với tác động của các nhân tố khác như cơ hội việc làm (EO), tổng chi tiêu công (TPE), tổng doanh thu Ngân sách Nhà nước (TBR), và tỷ lệ đô thị hóa (UR), khi tăng 1% sẽ tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế tăng lần lượt là 0,287%, 0,145%, 0,461% và 0,144%. Ngoài ra, kết quả cũng cho thấy tác động của độ mở thương mại (TOP) đến tăng trưởng kinh tế là tiêu cực và ở mức ý nghĩa 5%. Trong khi đó, lạm phát (INF) và tỷ lệ vốn đầu tư vào khu vực FDI (ICF) tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế nhưng không có ý nghĩa trong mô hình nghiên cứu.

Bảng 4: Tổng hợp kết quả ước lượng hồi quy

Biến	Kết quả hồi quy – logGDP là biến phụ thuộc			
	Pooled OLS	FEM	REM	FGLS
logFDI	0,0889** (2,44)	0,0636** (2,44)	0,0889** (2,44)	0,0714** (2,38)
logEO	-0,409*** (6,51)	0,262*** (4,38)	-0,409*** (6,51)	0,287*** (4,65)
logINF	-1,122** (-2,10)	-0,971*** (-2,64)	-1,122** (-2,10)	-0,416 (-1,05)
logTPE	0,0202 (0,28)	0,220*** (3,96)	0,0202 (0,28)	0,145** (2,05)
logTOP	-0,159*** (-3,01)	-0,0637 (-1,11)	-0,159*** (-3,01)	-0,117** (-2,21)
logICF	-0,118 (-1,20)	-0,590*** (-4,34)	-0,118 (-1,20)	-0,139 (-1,33)
logTBR	0,509*** (13,88)	0,189*** (4,24)	0,509*** (13,88)	0,461*** (10,70)
logUR	0,228*** (3,74)	0,210*** (4,34)	0,228*** (3,74)	0,144*** (3,40)
_Cons	7,857*** (3,11)	11,25*** (6,35)	7,857*** (3,11)	5,512*** (2,70)
N	120	120	120	120
Prob > F/Chi 2	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000
R-sq	0,958	0,889		

Ghi chú: *Mức ý nghĩa 10%, **Mức ý nghĩa 5%, ***Mức ý nghĩa 1%.

Giá trị trong ngoặc đơn “0” là T-statistic.

Nguồn: Trích xuất từ Stata 15.1.

Từ kết quả nghiên cứu thực nghiệm, FDI được tìm thấy có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Kết quả này phù hợp với giả thuyết nghiên cứu ban đầu và nhất quán với các nghiên cứu của Dinh và cộng sự (2019), Nguyen (2020), Joo và Shawl (2021), Nguyen (2021), Do và cộng sự (2022), Irshad và Qayed (2022). Các kết quả khác như cơ hội việc làm, tổng chi tiêu công, tổng doanh thu ngân sách nhà nước và tỷ lệ đô thị hóa có tác động tích cực và đáng kể đến tăng trưởng kinh tế. Kết quả này phù hợp với giả thuyết ban đầu và nhất quán với các kết quả nghiên cứu của Oni và Ozemhoka (2014), Cảnh và cộng sự (2018), Nguyen (2019), Ke và cộng sự (2020), Nguyen (2021), Tran và Nguyen (2021). Tác động của độ mở thương mại đến tăng trưởng kinh tế là tiêu cực và đáng kể, kết quả này nhất quán với nghiên cứu của Tsaurai và Ndou (2019). Trong khi đó, không có bằng chứng cho thấy lạm phát, tỷ lệ vốn đầu tư vào khu vực tư nhân có tác động đến tăng trưởng kinh tế trong mô hình nghiên cứu, kết quả này nhất quán với nghiên cứu của Ale và Adam (2022).

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Không còn nghi ngờ về vai trò của FDI đến tăng trưởng kinh tế ở khu vực Đông Nam Bộ nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung. Tuy nhiên, từ kết quả nghiên cứu thực nghiệm cho thấy tác động của FDI đến tăng trưởng kinh tế là tích cực nhưng không đáng kể trong giai đoạn nghiên cứu và việc thu hút thêm FDI tiềm năng trong thời gian tới đang phải đối mặt với những khó khăn nhất định như dịch bệnh COVID-19 vẫn chưa có dấu hiệu chấm dứt trên thế giới, cạnh tranh thương mại giữa các quốc gia phát triển, sự gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu và khủng hoảng năng lượng... Do đó, nhằm thu hút và khuyến khích tác động tích cực đáng kể từ FDI tiềm năng ở khu vực Đông Nam Bộ trong thời gian tới, nhóm tác giả đề xuất một số hàm ý chính sách sau:

Thứ nhất, các địa phương cần đẩy nhanh việc hoàn thiện thể chế, chính sách, tạo đột phá nguồn nội lực trong khu vực, đẩy mạnh hợp tác – tăng cường liên kết vùng với trọng tâm đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng theo hướng hiện

đại, đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ, chuyển đổi số, kinh tế chia sẻ và kinh tế xanh. Tiếp tục đi đầu trong việc phát triển ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghệ số và công nghiệp dịch vụ chất lượng cao; từ đó tạo nền tảng vững chắc để thu hút thêm nhiều FDI tiềm năng trong thời gian tới, tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, bảo vệ môi trường..., góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế của khu vực.

Thứ hai, cần rà soát lại các chính sách ưu đãi, xây dựng môi trường cạnh tranh công bằng, minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi hơn để thu hút nhiều nhà đầu tư FDI chiến lược và tiềm năng. Đặc biệt, cần sàng lọc, ưu tiên thu hút các dòng FDI thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển của khu vực như lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường, năng lượng tái tạo và năng lượng sạch, sản xuất thiết bị y tế, cung cấp dịch vụ sức khỏe, giáo dục - đào tạo, dịch vụ tài chính, logistics và các dịch vụ hiện đại khác. Cần xem xét, đánh giá và từ chối các FDI kém chất lượng, chuyển giao công nghệ lạc hậu và rủi ro tác động xấu đến môi trường trong tương lai.

Cuối cùng, một yếu tố then chốt trong việc thu hút các FDI tiềm năng đó là số lượng và chất lượng cao của nguồn nhân lực có sẵn. Đây là một lợi thế rất lớn trong việc thu hút các FDI trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cao. Vì vậy, việc cấp bách hiện nay là thúc đẩy hệ thống giáo dục toàn diện của khu vực nhằm nâng cao trình độ tay nghề cũng như khả năng quản lý của người lao động tiếp cận theo hướng hiện đại. Bên cạnh đó, việc đầu tư phát triển vào cơ sở hạ tầng, tăng chi tiêu công vào khu vực FDI, nâng cao tốc độ đô thị hóa, ổn định giá cả... cần được tiếp tục xem xét là mục tiêu tăng trưởng kinh tế bền vững, tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường, tạo nhiều việc làm và tăng thu nhập cho người lao động trong thời gian tới.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Thủ Dầu Một trong đề tài mã số DT.22.1-034.

Tài liệu tham khảo

Acquah, A. M., & Ibrahim, M. (2020). Foreign direct investment, economic growth and financial sector development in Africa, *Journal of Sustainable*

Finance & Investment, 10(4), 315-334.

<https://doi.org/10.1080/20430795.2019.1683504>

- Ale, S. A., & Islam, M. S. (2022). A panel data analysis of infrastructure, human capital development and economic growth: Evidence from 10 newly industrialized countries. *American Journal of Economics and Business Management*, 5(8), 177-185. <https://www.grnjournals.us/index.php/AJEBM>
- Canh, N. T., Liem, N. T., & Lien, N. T. T. (2018). The impact of public investment on attracting private investment and economic growth in Vietnam. *Ho Chi Minh City Open University Journal of Science - Economics and Business Administration*, 13(2), 91-105. <https://doi.org/10.46223/HCMCOUJS.econ.vi.13.2.511.2018>.
- Vietnam Foreign Investment Agency (2021). Situation of attracting foreign investment in Vietnam. <https://fia.mpi.gov.vn/Detail/CatID/f3cb5873-74b1-4a47-a57c-a491e0be4051/NewsID/5d476094-8272-4d9d-b810-1609ce7b67b3/MenuID>> Accessed 10.4.2023.
- Do, D. A., Song, Y., Do, H. T., Tran, T. T. H., & Nguyen, T. T. (2022). The effect of Foreign Direct Investment Inflow on Exports: Evidence from Vietnam. *The Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 9(2), 325-333. <https://doi.org/10.13106/jafeb.2022.vol9.no2.0325>
- Dinh, T. T. H., Vo, D. H., The Vo, A., & Nguyen, T. C. (2019). Foreign direct investment and economic growth in the short run and long run: Empirical evidence from development countries. *Journal of Risk and Financial Management*, 12(4), 176. <https://doi.org/10.3390/jrfm12040176>
- Feridun, M., & Sissoko, Y. (2011). Impact of FDI on economic development: A causality analysis for Singapore; 1976-2002. *International Journal of Economic Sciences and Applied Research*, 4(1), 7-17.
- Green, S. B. (1991). How many subjects does it take to do a regression analysis? *Multivariate Behavioral Research*, 26(3), 499-510. https://doi.org/10.1207/s15327906mbr2603_7
- Irshad, M., & Qayed, S. H. (2022). Casual nexus between economic growth, FDI, and employment: An inquiry into BRICS and ASEAN. *Theoretical & Applied Economics*, 29(2).
- Joo, B. A., & Shawl, S. (2021). Examining the FDI-growth nexus in BRICS: panel data evidence. *The Indian Economic Journal*, 69(4), 673-687. <https://doi.org/10.1177/00194662211036092>
- Louail, B., & Zouita, M. S. (2021). The relationship between foreign direct investment, financial development and growth economic in Next-11 countries: a PMG/ARDL estimation. *Management*, 25(1). <https://dx.doi.org/10.2478/manment-2019-0058>
- Mohsin, M., Ullah, H., Iqbal, N., Iqbal, W., & Taghizadeh-Hesary, F. (2021). How external debt led to economic growth in South Asia: A policy

- perspective analysis from quantile regression. *Economic Analysis and Policy*, 72, 423-437. <https://doi.org/10.1016/j.eap.2021.09.012>
- Nguyen, H. H. (2019). The impact of state budget revenue on economic growth: A case of Vietnam. *The Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 6(4), 99-107. <https://doi.org/10.13106/jafeb.2019.vol6.no4.99>
- Nguyen, C. H. (2020). The impact of foreign direct investment, aid and exports on economic growth in Vietnam. *The Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 7(10), 581-589. <https://doi.org/10.13106/jafeb.2019.vol7.no10.9581>
- Nguyen, T, A, H. (2021). The role of logistics industry in the sustainable economic development of Southeast Asian countries, *Accounting*, 7(7), 1681-1688. <https://dx.doi.org/10.5267/j.ac.2021.5.001>
- Oni, A., & Ozemhoka, M. (2014). Impact of public expenditure on the growth of Nigerian economy. *European scientific journal*, 10(28).
- Tho, N. D. (2011). *Research Methods in Business*. Labour and Social Publishing, Hanoi.
- Tsaurai, K., & Ndou, A. (2019). Infrastructure, human capital development and economic growth in transitional countries. *Comparative Economic Research. Central and Eastern Europe*, 22(1), 33-52.
- White, H. (1980). A heteroscedasticity-consistent covariance matrix estimator and a direct test for heteroscedasticity. *Econometrica: journal of the Econometric Society*, 817-838. <https://doi.org/10.2307/1912934>
- Wooldridge, J. M. (2002). *Econometric Analysis of Cross Section and PANEL data* MIT Press. Cambridge, MA, 108(2), 245-254.
- Xuan, N. T., & Xing, Y. (2008). Foreign direct investment and exports; The experiences of Vietnam 1. *Economics of Transition*, 16(2), 183-197. <https://doi.org/10.1111/j.1468-0351.2008.00321.x>